

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2017
“V/v Ly hôn giữa chị N và anh Đ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám
2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1987 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu: Ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số 13, đường Nguyễn Thị Nhỏ, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết, năm 2012 chị và anh Dương Văn Đ tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã B, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 10/01/2012 (giấy đăng ký số 02/2012, quyển số 01/2012). Sau khi cưới chị về

sống bên gia đình chồng. Khoảng năm 2015, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Đ còn dùng vũ lực đánh đập chị. Chị và anh Đ đã ly thân nhau từ tháng 02/2017 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Đ có 01(một) con chung tên Dương Tấn T, sinh ngày 08/9/2012, hiện cháu T đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ chung.

Bị đơn anh Dương Văn Đ vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu của chị N; 01 Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 Bản sao giấy khai sinh của Dương Tấn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Do chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Chị Ngô Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Bị đơn anh Dương Văn Đ đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[5] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh Đ, thấy rằng: Chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/01/2012 (giấy đăng ký số 02/2012, quyền số 01/2012) nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh Đ là hợp pháp. Theo chị N, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Đ còn dùng vũ lực đánh đập chị. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho anh Đ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, anh Đ đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị N. Từ đó, cho thấy anh Đ cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân đã ở tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[6] Về nuôi con chung: Theo lời khai của chị N cùng các chứng cứ do chị N cung cấp thì chị N và anh Đ có 01(một) con chung tên Dương Tấn T, sinh ngày 08/9/2012, hiện cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Dương Tấn T. Xét thấy, hiện cháu T đang sống với chị N, cuộc sống đã ổn định, khả năng chị N có thể chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T nên giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chia tài sản và nợ chung: Chị N trình bày không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung. Anh Đ vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[8] Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N về việc “Ly hôn” với anh Dương Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Dương Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Tấn T, sinh ngày 08/9/2012 cho chị Ngô Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Dương Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005180 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Ngô Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã B;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Thúy